

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

Thị trường giằng co, tăng nhẹ

[Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF]

Tăng nhẹ với độ lệch chuyển về âm

[Cổ phiếu tác động đến thị trường]

MBB, VJC

[Quan điểm đầu tư]

Tiếp tục kết hợp bán trading 1 phần tỷ trọng tại vùng kháng cự

04/02/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	929.09	+0.10
VN30	845.52	+0.34
HĐTL VN30	842.20	+0.14
HNXIndex	102.57	+1.24
HNX30	177.18	+0.53
UPCoM	54.74	+0.66
USD/VNĐ	VND23,240	+0.09
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.12	-16
Lãi suất qua đêm (%)	2.84	+31
Dầu (WTI, \$)	50.11	+0.00
Vàng (LME, \$)	1,568.24	-0.54

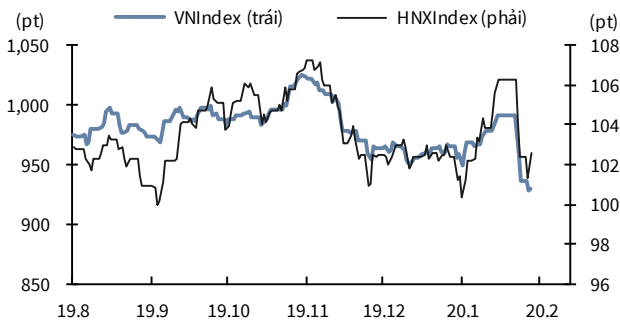


Điểm nhấn thị trường

VNIndex	929.09 (+0.10%)
KLGD (triệu CP)	178.3 (-25.4%)
GTGD (triệu US\$)	169.6 (-21.9%)
HNXIndex	102.57 (+1.24%)
KLGD (triệu CP)	29.8 (-54.7%)
GTGD (triệu US\$)	12.5 (-50.9%)
UPCoM	54.74 (+0.66%)
KLGD (triệu CP)	16.8 (+0.0%)
GTGD (triệu US\$)	5.3 (-32.7%)
NĐTNN mua ròng (triệu US\$)	-10.0

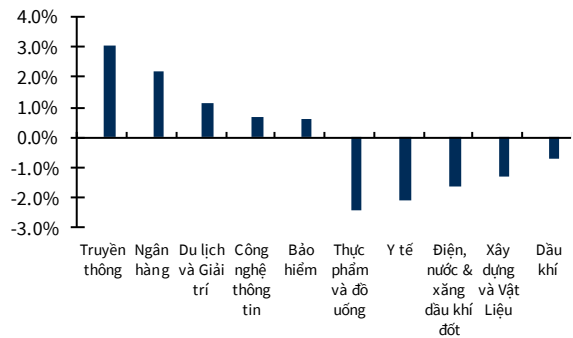
Thị trường có phiên tăng điểm đầu tiên sau dịp Tết Nguyên Đán, sau 3 phiên giảm liên tiếp, nhờ được hỗ trợ bởi diễn biến tích cực ở các thị trường chứng khoán trong khu vực, cùng giao dịch khởi sắc ở nhóm cổ phiếu ngân hàng (CTG, MBB) trước kỳ vọng hoạt động tăng vốn được đẩy mạnh trong thời gian tới. Trong khi đó, trái ngược với diễn biến tích cực của thị trường chung, nhóm cổ phiếu dược (IMP, DHG, DVN) sụt giảm mạnh do áp lực chốt lời gia tăng sau giai đoạn tăng giá mạnh, trong khi mức độ hưởng lợi từ dịch cúm Corona được đánh giá là không lớn. Nhóm cổ phiếu hàng tiêu dùng (VNM, SAB, MWG), nhóm cổ phiếu được đánh giá chịu ảnh hưởng mạnh bởi dịch cúm Corona, có diễn biến tiêu cực hơn so với thị trường chung khi mà Bộ Y Tế công bố thêm 2 ca nhiễm bệnh mới trong ngày. Đáng chú ý, nhóm cổ phiếu dệt may (TCM, STK, MSH) đồng loạt giảm điểm sâu do lo ngại thiếu hụt nguồn nguyên liệu trước thông tin Hiệp hội Dệt May Việt Nam (Vitas) đề nghị các doanh nghiệp hội viên gửi báo cáo về tác động của dịch bệnh tới tình hình sản xuất kinh doanh để Hiệp hội tổng hợp báo cáo Chính phủ. Nhà đầu tư nước ngoài có phiên bán ròng, tập trung ở VIC, VNM, DXG.

VN Index & HNX Index



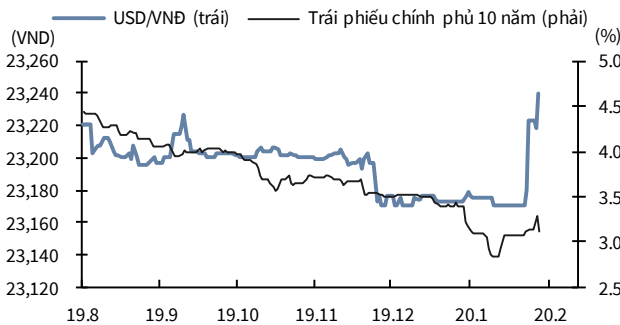
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



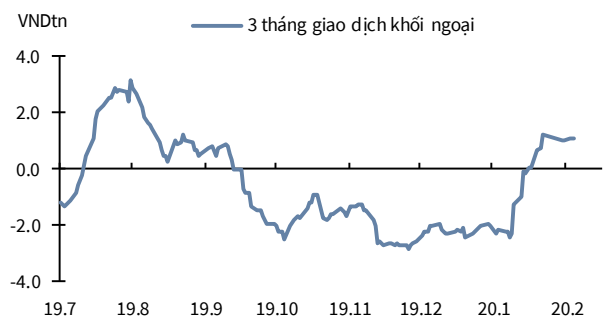
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam - Mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF

VN30 **845.52 (+0.34%)**
VN30 tương lai **842.2 (+0.14%)**
Mở cửa **844.8**
Cao nhất **851.0**
Thấp nhất **831.2**

Thanh khoản thị trường phái sinh tiếp tục tăng lên mức cao kỷ lục trong bối cảnh thị trường cơ sở biến động mạnh. Về cuối phiên, áp lực bán gia tăng ở F2002, trái ngược với diễn biến tăng của chỉ số VN30 Index, khiến chênh lệch âm nở rộng lên mức -3.3 điểm. Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục có phiên giao dịch sôi động, bán ròng tương đối mạnh ở F2002.

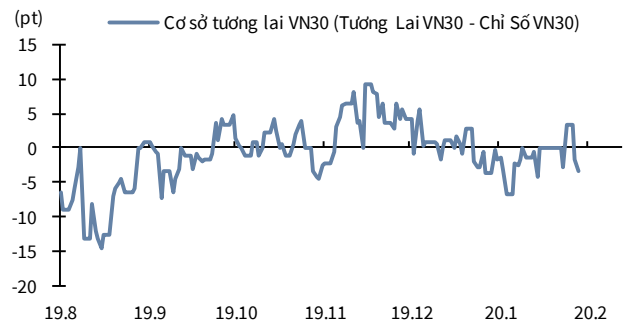
Hợp đồng **195,328 (+5.9%)**
KL HĐ mở OI **N/A**

HĐTL chỉ số VN30 (1M) & VN30 Index



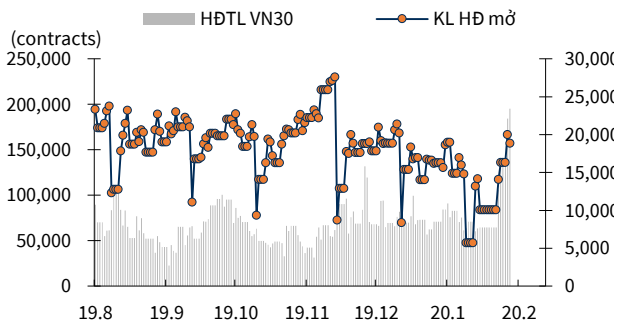
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Chênh lệch HĐTL VN30 (1M) so với VN30 Index



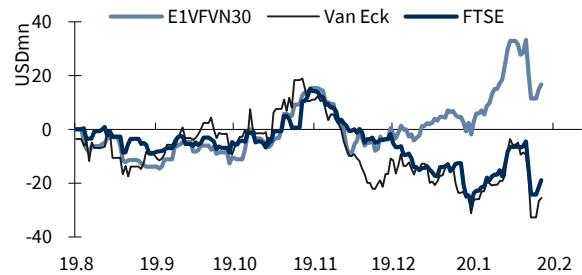
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30 1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

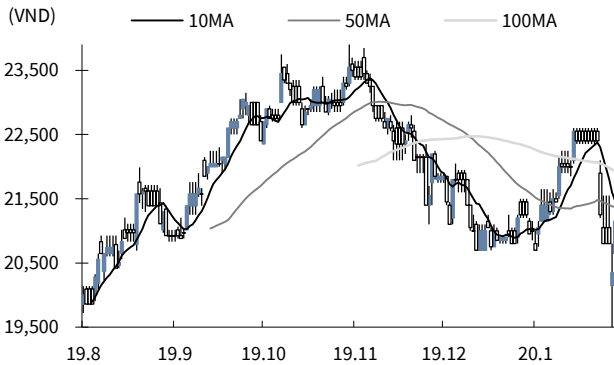
Quy mô các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

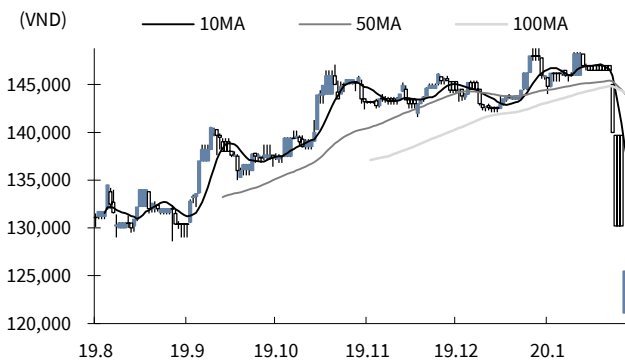
Ngân hàng Quân Đội (MBB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MBB tăng 3.9% lên 21,150 VNĐ/cp.
- Báo cáo tài chính hợp nhất 4Q của MBB cho biết ngân hàng đạt lợi nhuận sau thuế 1,870 tỷ (+36% YoY). Trong đó, thu nhập lãi thuần của ngân hàng đạt 4,889 tỷ đồng (+18% YoY). Nợ xấu của trên tổng dư nợ, tính đến thời điểm cuối năm 2019, ở mức 1.16% (so với 1.33% cuối năm 2018). Lũy kế cả năm 2019, MBB đạt lợi nhuận sau thuế 8,069 tỷ đồng (+30% YoY).
- Mới đây, NHNN đã có văn bản về việc chấp thuận kế hoạch tăng vốn điều lệ của MBB từ 23,727 tỷ đồng lên 24,417 tỷ đồng.

Vietjet (VJC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VJC tăng 2.8% lên 129,000 VNĐ/cp.
- Báo cáo tài chính hợp nhất 4Q của VJC cho biết doanh nghiệp đạt lợi nhuận sau thuế 539 tỷ đồng (-65% YoY), trong khi doanh thu đạt 13,926 tỷ đồng (-25% YoY). Doanh thu của công ty sụt giảm mạnh do doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng máy bay giảm với nguyên nhân kế hoạch giao máy bay của Airbus giãn ra.
- Lũy kế cả năm, VJC đạt lợi nhuận sau thuế 4,219 tỷ đồng (-21% YoY), trong khi doanh thu đạt 52,060 tỷ đồng (-3% YoY)

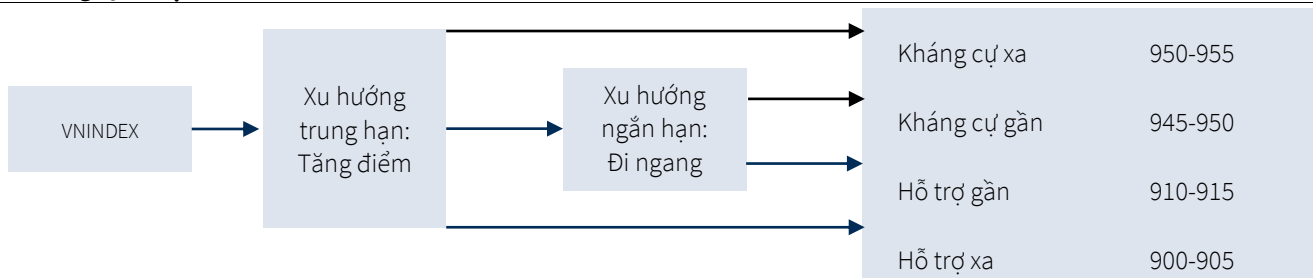
Quan Điểm Phân Tích Kỹ Thuật

Xu Hướng Kỹ Thuật

Thị Trường Cơ Sở



Xu hướng kỹ thuật



Nguồn : FiinPro, KB Securities Vietnam

- VNIndex diễn biến giằng co trong dải biến động rộng trong phiên hôm nay.
- Mẫu nến hammer xuất hiện không giúp thị trường có được phiên giao dịch thực sự tích cực khi chỉ số VNIndex đã sớm gặp rung lắc khi bước vào vùng kháng cự ngắn hạn 930-940. Rủi ro quay đầu giảm điểm sẽ gia tăng trong những phiên tới.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục kết hợp bán trading 1 phần tỷ trọng tại vùng kháng cự ở trên và chờ nhịp giảm sâu trước khi mua trở lại nhằm giảm giá vốn cho vị thế còn nắm giữ.

Hợp Đồng Tương Lai Chỉ Số VN30



- Chỉ số VN30 tăng nhẹ trong phiên hôm nay tuy nhiên chỉ số vẫn chưa thoát khỏi vùng kháng cự 845-855
- Độ lệch âm được nới rộng ra so với phiên hôm qua, cho thấy tâm lý NĐT chưa được cải thiện nhiều.
- NĐT tiếp tục được khuyến nghị có thể tận dụng những nhịp phục hồi để mở vị thế SHORT ngắn nếu chỉ số quay lên quanh cận trên của vùng kháng cự.

KBSV Danh Mục Đầu Tư Mẫu

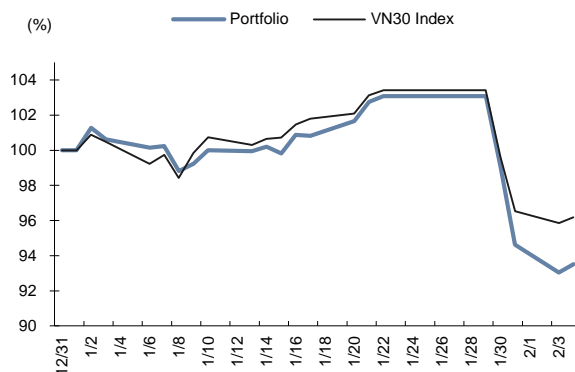
Khối Phân Tích KBSV

Phương Pháp Tiếp Cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VNIndex.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN Index 30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.34	0.51
Tăng lũy kế (YTD)	-3.82	-6.48

So Sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 04/02/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	107,900	-0.8%	-6.9%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	25,800	0.0%	-3.7%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	84,000	14%	9.6%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	21,150	3.9%	7.2%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - M-Credit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	33,400	-0.3%	-1.8%	- Mảng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	51,800	0.6%	34.5%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	26,900	7.0%	10.2%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
Power Const No. 1 (PC1)	06/11/2019	14,800	-5.4%	-21.9%	- Đóng góp lớn từ dự án BĐS Thanh Xuân và mảng xây lắp đường truyền. - Mảng xây lắp điện kỳ vọng tăng trưởng mạnh do nhu cầu đầu tư từ EVN. - Công suất các nhà máy điện của PC1 dự kiến tăng mạnh trong năm 2020.
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	24,600	0.2%	4.9%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Petro Tech Services (PVS)	15/08/2018	15,700	0.6%	-11.1%	- Hàng loạt các dự án đầu khí lớn sẽ được khởi động từ năm 2020 trở về sau - Dự báo EPS cốt lõi 2019-2023 sẽ đạt tăng trưởng kép hàng năm 9.0%

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khô ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
E1VFN30	0.5%	99.0%	20.3
HDB	2.0%	23.3%	19.0
CTG	7.0%	29.7%	13.1
VJC	2.8%	19.5%	10.2
VCB	1.2%	23.8%	9.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khô ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
WCS	-2.9%	26.2%	0.4
AMV	-6.8%	2.0%	0.3
TIG	3.5%	16.7%	0.2
NBC	-1.6%	6.3%	0.1
NRC	0.0%	28.2%	0.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Y tế	8.1%	DHG, IMP
Ô tô và phụ tùng	-0.4%	TCH, HHS
Truyền thông	-1.0%	PNC, AAA
Bất động sản	-2.3%	KOS, PDR
Ngân hàng	-2.4%	CTG, BID

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	12.2%	TCH, HHS
Ngân hàng	8.1%	BID, CTG
Y tế	5.9%	DHG, IMP
Tài nguyên Cơ bản	0.9%	HPG, DHC
Bất động sản	-1.2%	VHM, VIC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Du lịch và Giải trí	-14.0%	VJC, HVN
Bảo hiểm	-13.9%	BVH, BMI
Thực phẩm và đồ uống	-12.1%	VNM, SAB
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-11.8%	GAS, POW
Dầu khí	-11.5%	PLX, PVD

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	-15.5%	BVH, BMI
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-14.9%	GAS, POW
Du lịch và Giải trí	-14.1%	HVN, VJC
Dầu khí	-12.5%	PLX, PVD
Thực phẩm và đồ uống	-10.9%	VNM, SAB

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Khu vực	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ)	GTGD (VND triệu USDmn)	Room còn lại (%,-1đ)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	114,800	388,303 (16,708)	46,259 (2.0)	22.0	41.0	26.0	48.4	8.2	18.9	4.4	3.9	0.0	-0.1	-0.4	-0.2
	VHM	VINHOMES JSC	85,700	281,911 (12,130)	61,871 (2.7)	34.0	10.4	8.4	38.0	36.7	32.3	3.4	2.4	0.6	-2.1	0.6	1.1
	VRE	VINCOM RETAIL JS	29,250	66,465 (2,860)	34,292 (1.5)	16.1	19.3	15.6	17.1	10.9	11.8	2.1	1.9	-3.1	-10.3	-15.5	-14.0
	NVL	NOVA LAND INVES	55,000	53,325 (2,295)	20,350 (0.9)	31.6	17.6	16.2	-6.1	12.4	12.1	2.0	-	-1.8	-1.8	-1.8	-7.6
	KDH	KHANGDIENHOUSE	24,700	13,447 (579)	5,005 (0.2)	4.4	11.0	10.0	20.7	15.0	14.8	1.6	1.5	0.0	-4.4	-6.4	-8.2
	DXG	DAT XANH GROUP	10,700	5,566 (239)	21,331 (0.9)	3.8	3.7	2.7	3.3	18.0	22.7	0.7	-	-1.4	-16.7	-23.0	-26.2
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	89,800	333,057 (14,331)	113,827 (4.9)	6.2	16.0	13.8	23.7	24.5	22.4	3.1	2.6	1.2	-4.5	-0.1	-0.4
	BID	BANK FOR INVESTM	54,400	218,798 (9,415)	50,967 (2.2)	12.0	24.8	20.5	15.9	14.1	14.5	2.6	2.5	1.7	0.7	16.5	17.9
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	21,750	76,128 (3,276)	65,849 (2.8)	0.0	6.9	6.0	8.1	17.0	16.4	1.1	0.9	1.4	-9.6	-8.0	-7.6
	CTG	VIETNAM JS COMM	26,900	100,160 (4,310)	197,187 (8.5)	0.3	10.9	8.7	30.5	13.4	13.4	1.2	1.0	7.0	6.3	26.3	28.7
	VPB	VIETNAM PROSPERI	23,450	57,165 (2,460)	66,112 (2.9)	0.1	6.0	5.2	13.6	20.8	19.6	1.1	0.9	3.8	-0.4	15.0	17.3
	MBB	MILITARYCOMMERC	21,150	49,188 (2,117)	126,500 (5.5)	0.0	5.9	5.0	15.5	20.9	20.4	1.1	0.9	3.9	-6.2	-0.5	1.7
	HDB	HDBANK	27,550	26,520 (1,141)	44,243 (1.9)	6.7	7.2	6.3	12.8	19.5	19.6	1.3	1.1	2.0	-4.8	0.0	0.0
	STB	SACOMBANK	10,200	18,397 (792)	55,926 (2.4)	11.5	6.3	4.9	56.6	10.3	13.2	0.6	0.5	-0.5	-6.4	0.0	1.5
	TPB	TIENPHONGCOMME	21,000	17,358 (747)	2,541 (0.1)	0.0	5.4	4.7	33.5	22.4	21.3	1.1	-	1.2	-2.3	-2.3	-0.2
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,550	21,577 (928)	2,704 (0.1)	0.0	23.2	23.9	18.6	5.8	5.3	1.3	1.2	-0.8	0.3	1.7	-1.4
Bảo hiểm	BVH	BAOVIET HOLDING	55,700	41,347 (1,779)	10,252 (0.4)	19.5	29.6	12.1	8.0	8.8	16.6	2.2	1.9	0.2	-15.5	-18.8	-18.8
	BMI	BAOMINHINSURANC	24,700	2,256 (097)	754 (0.0)	11.4	-	-	-	-	-	-	-	-0.6	-2.8	-3.7	-0.4
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	17,000	8,807 (379)	34,766 (1.5)	44.8	3.9	7.3	33.9	10.5	11.4	0.7	0.8	-0.3	-11.7	-6.8	-5.8
	VCI	VIETCAPITAL SEC	26,800	4,405 (190)	958 (0.0)	64.0	7.4	6.2	-14.5	13.9	14.8	1.0	0.9	0.0	-7.3	-7.6	-9.2
	HCM	HOCHIMINH CITY	18,050	5,515 (237)	23,518 (1.0)	43.7	10.6	6.2	-16.4	11.5	17.7	1.2	1.0	-3.2	-17.8	-14.9	-15.5
	VND	VNDIRECT SECURIT	14,000	2,920 (126)	3,260 (0.1)	8.7	8.1	6.2	-4.2	12.3	15.1	0.9	0.8	0.0	-3.4	-2.8	-2.8
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIETNAM DAIRYP	105,000	182,845 (7,868)	101,443 (4.4)	41.2	17.6	16.8	7.1	39.0	38.6	6.0	5.4	-3.0	-13.2	-11.2	-9.9
	SAB	SAIGON BEER ALCO	203,000	130,180 (5,602)	7,731 (0.3)	36.7	22.9	17.5	19.7	32.0	36.8	6.4	5.7	-2.8	-12.9	-9.6	-11.0
	MSN	MASAN GROUP CORP	50,000	58,447 (2,515)	32,833 (1.4)	9.8	13.7	10.6	-14.7	11.7	13.1	1.5	1.3	0.0	-8.3	-13.0	-11.5
HNG	HOANGANH GIA LA	13,500	14,965 (644)	3,728 (0.2)	48.6	-	-	-	-	-	-	-	-	0.0	-3.9	-4.9	-2.9
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	129,000	67,575 (2,908)	64,906 (2.8)	10.5	11.1	8.9	10.1	37.8	40.5	3.4	2.7	2.8	-12.2	-12.8	-11.8
	GMD	GEMADEPT CORP	18,800	5,582 (240)	9,600 (0.4)	0.0	10.0	9.7	-44.5	9.2	9.1	0.9	0.9	-0.8	-12.1	-17.4	-19.3
	CII	HOCHIMINH CITY	24,200	5,998 (258)	12,997 (0.6)	19.0	7.2	9.8	202.7	17.5	12.8	0.9	-	-0.2	-6.6	4.8	7.6
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	8,080	4,586 (197)	63,892 (2.8)	45.0	-	-	-	-	-	-	-	-6.9	-20.4	-46.7	-53.3
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	19,000	9,277 (399)	11,330 (0.5)	33.5	9.6	7.4	-2.5	13.3	15.8	1.3	1.3	-1.0	-4.0	-1.0	-1.8
	CTD	COTECCONS CONSTR	50,100	3,822 (164)	7,422 (0.3)	1.9	6.0	7.4	-30.7	7.8	6.1	0.4	-	-4.0	-5.5	-6.0	-2.3
	REE	REE	33,400	10,356 (446)	28,842 (1.2)	0.0	6.0	5.2	-1.3	15.4	15.0	0.9	-	-0.3	-10.5	-8.5	-8.0

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Khu vực	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ)	GTGD (VND triệu USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	82,000	156,944 (6,753)	29,152 (1.3)	45.4	13.1	12.3	2.5	25.2	25.5	3.0	2.8	-1.4	-13.6	-13.5	-12.5
	NT2	PETROVIETNAM NHO	19,000	5,470 (235)	4,212 (0.2)	30.6	7.4	6.9	-0.9	18.8	19.7	-	-	1.6	1.3	-11.4	-12.2
	PPC	PHALAI THERMAL	25,300	8,112 (349)	4,386 (0.2)	32.7	8.8	8.5	-9.1	16.3	16.6	1.4	-	1.6	-3.6	-1.0	-5.9
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,600	67,922 (2,923)	187,770 (8.1)	10.3	7.8	6.9	1.6	17.8	17.8	1.2	1.1	0.2	-4.8	1.9	4.7
	DPM	PETROVIETNAM FER	11,550	4,520 (194)	4,279 (0.2)	30.2	10.2	7.8	-16.2	6.2	7.7	0.6	0.6	3.6	-8.7	-9.8	-10.8
	DCM	PETROCA MAU FER	5,750	3,044 (131)	1,340 (0.1)	46.6	9.3	9.4	-	5.3	5.1	0.5	0.5	1.2	-3.4	-10.3	-11.5
	HSG	HOA SENG GROUP	7,950	3,365 (145)	46,118 (2.0)	30.3	8.7	6.6	-5.5	7.2	8.3	0.5	0.5	-3.4	-7.0	-0.4	1.8
	AAA	ANPHAT BIOPLAST	11,000	1,883 (081)	22,264 (1.0)	37.1	4.9	-	49.2	16.3	-	0.6	-	2.8	-12.4	-13.4	-13.4
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	50,700	60,374 (2,598)	17,596 (0.8)	6.6	14.6	13.2	11.9	19.3	19.4	2.8	2.9	-0.6	-10.9	-11.2	-9.5
	PVD	PETROVIETNAM DRI	12,200	5,138 (221)	46,975 (2.0)	30.4	23.1	8.6	21.2	1.8	4.6	0.4	0.4	-2.4	-17.6	-19.7	-18.9
	PVT	PETROVIET TRANSP	12,700	3,574 (154)	6,423 (0.3)	17.0	5.1	5.2	6.9	13.8	14.9	0.6	-	-3.4	-14.8	-22.3	-24.4
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILEWORLD INV	107,900	48,901 (2,104)	84,046 (3.6)	0.0	10.2	8.6	25.9	34.4	32.5	3.0	2.4	-0.8	-10.1	-6.4	-5.4
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	84,000	18,916 (814)	81,854 (3.5)	0.0	14.2	12.6	20.3	27.8	27.3	3.3	3.0	1.4	-7.7	-3.2	-2.3
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	36,450	1,075 (046)	1,132 (0.0)	68.2	22.0	-	-40.0	4.9	-	1.1	-	2.7	-1.2	-1.5	-1.5
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,500	1,303 (056)	3,803 (0.2)	2.0	4.1	4.1	-3.9	21.1	18.8	0.8	0.7	-1.8	-9.8	-27.3	-21.6
Chăm sóc sức khỏe	PHR	PHUOC HOA RUBBER	33,200	4,499 (194)	14,054 (0.6)	43.1	4.1	15.0	31.3	35.3	-	1.3	-	-2.6	-14.8	-17.6	-13.1
	DHG	DHG PHARMACEUTIC	101,000	13,205 (568)	4,175 (0.2)	45.6	20.8	19.2	4.0	20.0	20.0	3.8	3.5	-1.6	14.4	10.7	10.4
	PME	PYMEPHARCO JSC	56,000	4,201 (181)	742 (0.0)	37.9	-	-	-	-	-	-	-	-3.4	3.7	4.7	3.1
IT	FPT	FPTCORP	51,800	35,135 (1,512)	104,825 (4.5)	0.0	9.3	8.4	26.6	25.2	27.1	2.1	1.7	0.6	-6.7	-10.1	-11.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhdt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công

congl@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền

huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim

harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung

dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh

danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh

vinhn@kbsec.com.vn

Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin

shin.sy@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.